

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2020/HS-ST
Ngày 04-12-2020

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Bà Nguyễn Thị Phương ThA

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị ThA Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:125/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1998 tại H; nơi cư trú: phường K, quận N, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T và bà Nguyễn Thị S; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 29/8/2020; có mặt.

Bị hại: A Lê Việt A, sinh năm 1996; nơi cư trú: đường Ch, phường H, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 14/8/2020, Trần Đức T đi bộ một mình đến nhà xưởng sửa chữa ô tô Hưng Đức tại tổ 17 phường K, quận N, thành phố H để gặp

bạn là Lê Việt A, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 9 tầng 1 lô 4 ngõ 166 đường Ch, phường H, quận L, thành phố H. Đến nơi, Trần Đức T thấy A Lê Việt A đang ngủ, chiếc điện thoại IPHONE XS MAX của A Lê Việt A đang được sạc điện trên tủ đựng đồ gần đó. Trần Đức T quan sát xung quA không thấy ai, nên đã đi vào rút sạc và lấy điện thoại. Trên đường đi, Trần Đức T dùng 01 chiếc tấm nhét được trên đường, tháo và vứt sim trong máy điện thoại đi. Đến tiệm cầm đồ Trung Diên tại số 143B đường An Đà, phường Đằng Giang, quận N, thành phố H, Trần Đức T gặp A Hoàng Văn Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 11 phường H, quận K, thành phố H, Trần Đức T nói đây là điện thoại của mình và cầm cố với giá 8.000.000 đồng. Số tiền này, Trần Đức T đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, A Lê Việt A phát hiện ra điện thoại của mình bị mất. Nghi ngờ Trần Đức T đã trộm điện thoại, A Lê Việt A nhắn tin cho Trần Đức T thì Trần Đức T đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình và hứa sẽ chuộc lại điện thoại. Đến ngày 24/8/2020, Trần Đức T vẫn không trả lại điện thoại nên A Lê Việt A đã lên Công an phường K, quận N, thành phố H trình báo sự việc trên.

Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐ ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận N kết luận: 01 điện thoại IPHONE XS MAX màu trắng, loại 64GB, đến thời điểm bị xâm hại tài sản trên có giá 9.800.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với biên bản nhận dạng, lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐ ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận N kết luận: 01 điện thoại IPHONE XS MAX màu trắng, loại 64GB, đến thời điểm bị xâm hại tài sản có trị giá 9.800.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N trả lại cho người bị hại là A Lê Việt A.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi, trả lại cho người bị hại A Lê Việt A, bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho A Hoàng Văn Tr chủ cửa hàng cầm đồ Trung Diên, A Hoàng Văn Tr không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản Cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 17/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên, phù hợp với biên bản nhận dạng, lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại A Lê Việt A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, bị hại đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội dA, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức T với mức án tù từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng.

Về trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại IPHONE XS MAX màu trắng, loại 64GB, có trị giá 9.800.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N trả lại cho người bị hại là A Lê Việt A, A Lê Việt A đã nhận lại tài sản. Bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho A Hoàng Văn Tr chủ cửa hàng cầm đồ Trung Diên, A Hoàng Văn Tr không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H, Kiểm sát viên:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận N, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội dA:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản nhận dạng, lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 47 phút ngày 14/8/2020, tại tổ 17, phường K, quận N, thành phố H, Trần Đức T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại IPHONE XS MAX màu trắng, loại 64GB, có trị giá 9.800.000 đồng của A Lê Việt A. Tại thời điểm thực hiện hành vi (ngày 14/8/2020), bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ

yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tra tụng tại phiên tòa; sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[7] Do bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

[8] Bị hại A Lê Việt A đã nhận lại tài sản. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho A Hoàng Văn Trung chủ cửa hàng cầm đồ Trung Diên, A Hoàng Văn Trung không có yêu cầu gì khác, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[9] Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[10] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Trong vụ án này, khi mua chiếc điện thoại IPHONE XS MAX màu trắng, loại 64GB, A Hoàng Văn Tr không biết đây là tài sản do Trần Đức T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Đức T 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Trần Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại A Lê Việt A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận N;
- TAND thành phố H;
- Cơ quan điều tra Công an quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận N;
- PV 06 Công an thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận N;
- TAND thành phố H;
- Cơ quan điều tra Công an quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận N;
- PV 06 Công an thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận N;
- TAND thành phố H;
- Cơ quan điều tra Công an quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận N;
- PV 27 Công an thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười